

Bản án số: **211/2020/DS-PT**

Ngày: 29-9-2020

V/v: “*Yêu cầu chia di sản thừa kế và
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Nam Anh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2020/TLPT-DS ngày 15/01/2020, về việc “*Yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1663/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Q; trú tại: Số 26 Đường T, tổ 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc H; trú tại: Số 59 Đường T1, phường T2, Thành phố B, Đắk Lắk. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Trần Kim L1; trú tại: Số 08 Đường H1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Thành N; trú tại: Số 17 Đường Y, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đàm Quốc Ch -

Luật sư của Công ty Luật TNHH Ch, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; trú tại: Số 17 Đường Y, phường T2, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhật N1 - Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B. Có văn bản xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thanh P; trú tại: 1551 Sheeforde, Viena VA22182, United States of America; Vắng mặt.

3. Bà Trần Thanh Tr; trú tại: Số 46/3 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

4. Bà Trần M (vợ ông Trần Trán Th đã chết); trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

5. Bà Trần Thị A; trú tại: Số 05/7A đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

6. Bà Trần Thị M2; trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

7. Bà Trần Thị M; trú tại: Số 17/3 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

8. Ông Trần Văn H1; trú tại: Số 17/3 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

9. Ông Trần Văn L; trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

10. Bà Trần Thị M2; trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

11. Bà Trần Thị A1; địa chỉ: Fjellygata 35; forsgreen 3936, Norway; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh P, bà Trần Thanh Tr, bà Trần M, bà Trần Thị A, bà Trần Thị M2, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn L, bà Trần Thị M2: Ông Đặng Ngọc H; trú tại: Số 59 Đường T1, phường T2, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

11. Ông Lưu Tuấn G (con bà L1); trú tại: Hẻm 35B Đường L1, phường T4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người đại diện ủy quyền của ông G: Ông Lê Thành N; trú tại: Số 17 Đường Y, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

12. Ông Lưu Tuấn K (con bà L1); trú tại: Số 08 Đường H1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

13. Ông Lưu Đăng P1 (chồng bà L1); trú tại: Số 08 Đường H1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Trần Q, bị đơn bà Trần Kim L1.

* **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bố ông Q là cụ Trần T5 có hai người vợ là bà Trương C1 (là mẹ ông Q) và bà Diệp Thu L2 (dì kế của ông Q). Cụ ông Trần T5 và vợ cả là cụ bà Trương C1 có 05 người con chung, gồm: Bà Trần Thành P - Sinh năm 1930, ông Trần Trán Th - Sinh năm 1933, bà Trần Thanh Tr - sinh năm 1935, ông Trần Q - sinh năm 1943, bà Trần Kim L1 - sinh năm 1952. Cụ ông Trần T5 và vợ hai là bà Diệp Thu L2 có 02 con chung là ông Trần X - Sinh năm 1946 (chết năm 1969), ông Trần Tấn V - Sinh 1958 (chết năm 2012), 02 người con này đều đã chết và không có vợ con. Năm 1956 ông Trần T5, Trương C1 có mua 01 lô đất, trên đất có 01 căn nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Diệp Thu L2 và các con sinh sống, buôn bán. Vợ chồng ông Trần Q cùng các con đều ở tại căn nhà đó cùng với bà Diệp Thu L2 từ đó cho đến năm 1978 thì gia đình ông Q đi kinh tế mới, nên để lại toàn bộ căn nhà cho bà L2 ở, quản lý, sử dụng.

Sau khi giải phóng năm 1975, cụ ông Trần T5 cho con gái là Trần Kim L1 01 căn nhà kế bên căn nhà nói trên, nên khi thấy gia đình ông Q dọn đi kinh tế mới, bà L1 đã bán căn nhà được ông Trần T5 cho trước đó và dọn qua ở cùng với bà L2.

Tháng 02/1983, cụ bà Diệp Thu L2 chết thì bà L1 vẫn tiếp tục ở, sử dụng căn nhà này từ đó đến nay. Năm 1983, ông Trần T5 (sinh năm 1909) lúc này đã tuổi cao sức yếu, không còn minh mẫn nên bà L1 lợi dụng để lập di chúc giả mạo với nội dung là ông Trần T5 cho bà L1 thừa kế toàn bộ căn nhà nói trên. Chữ ký trên tờ di chúc này đúng là của ông Trần T5 nhưng ông Trần T5 ký trong lúc không còn nhận thức được hành vi của mình, bởi lẽ 10 ngày sau khi ký thì ông Trần T5 chết; ông Trần T5 là người Trung Quốc nên không biết chữ và không nghe, đọc, nói được tiếng Việt; di chúc được lập khi chỉ có một mình bà L1, không có mặt các anh em trong gia đình.

Năm 1992, mẹ ông Q là cụ bà Trương C1 cùng các con là Trần Trán Th, Trần Thanh Tr, Trần Kim L1 và ông Trần Q đến Tòa án nhân dân thị xã B (nay là Thành phố B) đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế. Khi đó, bà L1 có đề cập đến bản di chúc nhưng không xuất trình khi được. Tại “*Biên bản lấy lời khai*” ngày 27/11/1992 của bà Trương C1, Thẩm phán Nguyễn Minh H2 đã chứng kiến cho gia đình thỏa thuận: Tạm thời bà L1 vẫn được tiếp tục ở tại căn nhà địa chỉ số 08 Đường H1 (trước đây là số 02 Đường H1), thành phố B. Năm 2003, cụ bà Trương C1 chết thì các anh em trong gia đình được thừa kế căn nhà trên và được chia đều cho 04 người con Trần Trán Th, Trần Thanh Tr, Trần Q, Trần Kim L1

(do 01 người con là bà Trần Thanh P lúc này đang ở nước ngoài, lúc này Nhà nước Việt Nam chưa có chính sách cho người nước ngoài về Việt Nam mua nhà, đất). Cụ bà Trương C1 cùng 04 người con đều ký nhận đồng ý nội dung trong biên bản lấy lời khai.

Năm 2001, Đài truyền hình có làm sập 01 bên căn nhà nói trên, sau đó Đài truyền hình đã đền bù cho gia đình 92.000.000 đồng. Bà Trương C1 và các con đã đến Sở Văn hóa thông tin tỉnh Đắk Lắk để chia số tiền đền bù thiệt hại, cụ thể: Bà Trương C1, ông Trần Trần Th, bà Trần Thanh Tr, ông Trần Q được chia mỗi người 15.500.000 đồng, riêng bà Trần Kim L1 được chia 30.000.000 đồng.

Như vậy, từ việc thỏa thuận tại “Biên bản lấy lời khai” năm 1992 của TAND thị xã B đến việc nhận chia tiền bồi thường thiệt hại căn nhà năm 2001 đều chứng tỏ bà L1 công nhận tài sản tại số 08 Đường H1 là thuộc quyền sử dụng chung của tất cả thành viên gia đình. Tuy nhiên, vì lòng tham mà bà L1 tiếp tục thực hiện âm mưu chiếm đoạt tài sản trên bằng cách hợp thức hóa bản di chúc giả và chuyển nhượng cho con trai bà L1 là ông Lưu Tuấn G diện tích đất và nhà đang tranh chấp.

Nay ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và chia tài sản thừa kế diện tích đất thực tế là 101,8 m² ở số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, tại thửa 42, tờ bản đồ số 15, GCNQSDĐ số: BG 662596 cấp ngày 09/4/2012 mang tên Lưu Tuấn G theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn xin rút một phần đối với hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 662596, cấp ngày 09/4/2012 mang tên ông Lưu Tuấn G, vì diện tích đất này đã có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường.

** Bị đơn bà Trần Kim L1 – Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thành N trình bày:*

Bà Trần Kim L1 là con của cụ ông Trần T5 và cụ bà Trương C1. Giữa cụ ông Trần T5 với cụ bà Trương C1 có 05 người con: gồm: Bà Trần Thanh P, ông Trần Trần Th (đã chết năm 2015), bà Trần Thanh Tr, ông Trần Q, bà Trần Kim L1. Cụ bà Diệp Thu L2 là vợ hai của ông Trần T5, giữa 02 người có 02 con chung là ông Trần X, ông Trần Tấn V, 02 người con này đều đã chết và không có vợ con.

Nguồn gốc thửa đất và nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trước đây vào năm 1960 bà Diệp Thu L2 thuê lại để buôn bán, đến năm 1971 thì bà Diệp Thu L2 mua lại căn nhà nêu trên. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Diệp Thu L2 là người đứng tên căn nhà và đất nêu trên, bà Trần Kim L1 sống chung với bà Diệp Thu L2 tại căn nhà. Năm 1982, bà Diệp Thu L2 chết nhưng không để lại di chúc. Đến năm 1983 ông Trần T5 mất có để lại di chúc căn nhà số 02 Đường H1 (nay là số 08 Đường H1, thành phố B) cho bà Trần Kim L1 được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt căn nhà nêu trên. Khối tài sản nêu trên

là tài sản riêng của bà Diệp Thu L2 không liên quan đến bà Trương C1.

Năm 2004, bà Trần Kim L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Năm 2012 bà L1 tặng cho căn nhà và đất nêu trên cho con trai là Lưu Tuấn G. Thời điểm lập di chúc ông Trần T5 hoàn toàn minh mẫn và tự nguyện không bị cưỡng bức, ép buộc. Nội dung di chúc là do ông Huỳnh Chấn H3 (con rể của ông Trần T5) viết theo ước nguyện của ông Trần T5.

Nay, nguyên đơn khởi yêu cầu phân chia di sản thừa kế thì bà Trần Kim L1 không đồng ý, vì: Căn nhà và đất nêu trên là tài sản riêng của bà Diệp Thu L2 không liên quan đến bà Trương C1. Năm 1983, ông Trần T5 đã lập di chúc để lại căn nhà và đất nêu trên cho bà L1 được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Việc lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, do ông Trần T5 không biết viết tiếng Việt nên nhờ con rể là Huỳnh Chấn H3 (chồng bà Trần Thanh P) lập bản di chúc nêu trên cho ông Trần T5 ký. Thời điểm lập di chúc ông Trần T5 vẫn minh mẫn, khỏe mạnh. Vì vậy, di chúc lập ngày 25/12/1983 là hoàn toàn hợp pháp. Sau đó, năm 2004 bà L1 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Trần Thanh P, tại “Bản tự khai” ngày 23/02/2018 bà P trình bày:

Bà Trần Thanh P là con của ông Trần T5 và bà Trương C1. Giữa ông Trần T5 với bà Trương C1 có 05 người con: gồm: Bà Trần Thanh P, ông Trần Trán Th (đã chết năm 2015), bà Trần Thanh Tr, ông Trần Q, bà Trần Kim L1. Bà Diệp Thu L2 mà vợ hai của ông Trần T5, giữa 02 người có 02 con chung là ông Trần X, ông Trần Tấn V, 02 người con này đều đã chết và không có vợ con.

Nguồn gốc thửa đất và nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là do ông Trần T5, bà Diệp Thu L2 nhận chuyển nhượng. Cụ thể chuyển nhượng từ ai, giá như thế nào thì bà P không nắm được.

Nội dung bản di chúc được lập ngày 10/12/1983 là do ông Huỳnh Chấn H3 (chồng của bà P) nhờ người đánh máy cho ông Trần T5. Thời điểm lập di chúc thì ông Trần T5 hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo. Tuy nhiên, ông Trần T5 không đọc, viết được bằng tiếng Việt nên khi bà L1 đưa bản di chúc cho ông Trần T5 ký thì bà P không biết ông Trần T5 có biết được nội dung bản di chúc hay không.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất và nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bà P đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Trần Thanh Tr, tại “bản tự khai” ngày 21/3/2018 bà Tr trình bày:

Bà Trần Thanh Tr là con của ông Trần T5 và bà Trương C1. Giữa ông Trần T5 với bà Trương C1 có 05 người con: gồm: Bà Trần Thanh P, ông Trần Trán Th (đã chết năm 2015), bà Trần Thanh Tr, ông Trần Q, bà Trần Kim L1. Bà

Diệp Thu L2 mà vợ hai của ông Trần T5, giữa 02 người có 02 con chung là ông Trần X, ông Trần Tấn V, 02 người con này đều đã chết và không có vợ con.

Sau khi ông Trần T5, bà Trương C1 chết để lại tài sản là thửa đất và nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà không có di chúc.

Tuy nhiên, năm 1992 bà Trương C1 cùng với các con gồm: ông Trần Trán Th, bà Trần Thanh Tr, ông Trần Q, bà Trần Kim L1 đã đến TAND thị xã B để đề nghị Tòa án phân chia tài sản. Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/11/1992 tại TAND thị xã B thể hiện nội dung: *“Căn nhà số 02 Đường H1 là tài sản chung của vợ chồng chúng tôi, chồng tôi đã chết (tức ông Trần T5) còn lại 1 mình nhưng hiện bà đang ở thành phố, vì vậy bà tạm thời để lại cho cô Loan quản lý và sử dụng, không được bán hoặc cho ai. Khi nào bà đồng ý bán nhà để chia tài sản cho các con thì bà báo cho Tòa án làm chứng để chia cho các con hoặc sau này bà chết thì lúc đó các con của bà mới có quyền bán nhà để chia cho 04 người con là: Trần Trán Th, Trần Thanh Tr, Trần Q, Trần Kim L1”*.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất và nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bà Trần Thanh Tr đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà Trần M, bà Trần Thị A, bà Trần Thị M2, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn L, bà Trần Thị M2 và Trần Thị A1 (là vợ và các con của ông Trần Trán Th) trình bày:

Thông nhất như trình bày của bà Trần Thanh Tr. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất và nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì chúng tôi đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Lưu Tuấn G, trình bày:

Anh Lưu Tuấn G là con của bà Trần Kim L1 với ông Lưu Đăng P1. Nguồn gốc thửa đất và nhà tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo như anh G được biết trước đây vào năm 1960 bà Diệp Thu L2 thuê lại để buôn bán, đến năm 1971 thì bà Diệp Thu L2 mua lại căn nhà nêu trên. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Diệp Thu L2 là người đứng tên căn nhà và đất nêu trên và bà Trần Kim L1 sống chung với bà Diệp Thu L2 tại căn nhà nêu trên. Năm 1982, bà Diệp Thu L2 chết nhưng không để lại di chúc. Đến năm 1983 ông Trần T5 mất có để lại di chúc căn nhà số 02 Đường H1 (nay là số 08 Đường H1, Thành phố B) cho bà Trần Kim L1 được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt căn nhà nêu trên. Khối tài sản nêu trên là tài sản riêng của bà Diệp Thu L2 không liên quan đến bà Trương C1.

Năm 2004, bà Trần Kim L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Năm 2012 bà Trần Kim L1 tặng cho căn nhà và đất nêu trên cho anh Lưu Tuấn G và anh Lưu Tuấn K.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế thì bà ông Lưu

Tuấn G không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Lưu Tuấn K trình bày:

Anh Lưu Tuấn K thống nhất như trình bày của anh Lưu Tuấn G. Nay, nguyên đơn khởi yêu cầu phân chia di sản thừa kế thì bà ông Lưu Tuấn K không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Lưu Đăng P1 trình bày:

Thống nhất như trình bày của bà Trần Kim L1. Nay, nguyên đơn khởi yêu cầu phân chia di sản thừa kế thì ông Lưu Đăng P1 không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Ngày 21/5/2005, bà Trần Kim L1 lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 08/5/2006 bà Trần Kim L1 được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ số ADD857211 đối với thửa đất nêu trên. Ngày 06/3/2012 hộ bà Trần Kim L1 lập hợp đồng tặng cho QSDĐ nêu trên cho ông Lưu Tuấn G và được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ số BG662596 ngày 09/4/2012.

Căn cứ vào hồ sơ nêu trên, UBND thành phố B thấy việc cấp GCNQSDĐ số AD 857211 đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho hộ bà Trần Kim L1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật đất đai. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng ông Huỳnh Chấn H3 trình bày:

Ông là chồng của bà Trần Thanh P. Nội dung bản di chúc ngày 10/12/1983 là do ông Huỳnh Chấn H3 nhờ người soạn thảo cho ông Trần T5. Sau đó, ông cầm bản di chúc về cho bà Trần Kim L1. Việc bà Trần Kim L1 đưa cho ông Trần T5 ký như thế nào, ký ra sao thì ông Huỳnh Chấn H3 không nắm được. Ngoài nội dung trên thì ông Huỳnh Chấn H3 không cung cấp thêm nội dung nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 1 Điều 207, 208, 227, 228 BLTTDS.

- Áp dụng Công văn số: 01/GĐ - TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 688; Điều 623; Điều 649; điểm b khoản 1 Điều 650; Điều 651; Điều 652 BLDS năm 2015

- Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 662596 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 09/4/2012 cho anh Lưu Tuấn G đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ số 15, diện tích 95,2m², tọa lạc tại số 08 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Trần Q.

- Di chúc lập ngày 10/12/1983 của ông Trần T5 không hợp pháp.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa: Ông Lưu Đăng P1, bà Trần Kim L1 với anh Lưu Tuấn G.

- Buộc anh Lưu Tuấn G và Lưu Tuấn K phải giao trả lại cho bà Trần Kim L1 số tiền 2.770.240.038 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, hai trăm bốn mươi ngàn, không trăm ba tám đồng*) sau khi nhận được tiền bồi thường đất.

- Buộc bà Trần Kim L1 phải thanh toán cho các đồng thừa kế, gồm:

Thanh toán cho ông Trần Q số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*);

Thanh toán cho bà Trần Thanh P số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*);

Thanh toán cho bà Trần Thanh Tr số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*);

Thanh toán cho vợ và các con của ông Trần Trần Th, gồm:

- Bà Trần M số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Chị Trần Thị A số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Chị Trần Thị M2 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Chị Trần Thị M số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Chị Trần Thị A1 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Chị Trần Thị M2 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Anh Trần Văn H1 số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Anh Trần Văn L số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

- Bà Trần Kim L1 được quyền sử dụng sở hữu số tiền 1.170.240.038 đồng (*Một tỷ, một trăm bảy mươi triệu, hai trăm bốn mươi ngàn, không trăm ba tám đồng*).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/12/2019, bị đơn bà Trần Kim L1 kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 12/12/2019, nguyên đơn ông Trần Q kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận trích phần công sức gìn giữ di sản thừa kế cho bà Trần Kim L1.

- Ngày 12/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày ông Trần X và ông Trần Tấn V, trước khi chết trú quán ở đâu và có vợ con gì không thì bị đơn không nắm rõ; cũng như việc tranh chấp nhà đất số 08 Đường H1, thành phố B (di sản thừa kế đang tranh chấp hiện nay) vào năm 1992 giữa nguyên đơn ông Trần T5 và bị đơn bà Trần Kim L1 tại Tòa án thị xã B (nay là thành phố B) cũng không nhớ kết quả giải quyết như thế nào.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Trần Q, bà Trần Kim L1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, nhận thấy:

[1.1] Về tố tụng:

Cụ Trần T5 (chết tháng 12/1983), có 02 người vợ là bà Trương C1 (chết tháng 11/2003) và bà Diệp Thị Liên (chết tháng 2/1983). Cụ T5 và vợ cả Trương C1 có 05 người con, gồm: Bà Trần Thành P-sinh năm 1930; ông Trần Trăn Th-sinh năm 1933 (chết năm 2015, có vợ là bà Trần M và có 07 người con; gồm: Chị Trần Thị A, chị Trần Thị M2, chị Trần Thị M, chị Trần Thị A1, chị Trần Thị M2, anh Trần Văn H1 và anh Trần Văn L); bà Trần Thanh Tr-sinh năm 1935; ông Trần Q-sinh năm 1943 và bà Trần Thị kim L3- sinh năm 1952.

Cụ T5 với vợ hai là bà Diệp Thị Liên có hai con chung là: Ông Trần X-sinh năm 1946 (chết năm 1969, không có vợ con) và ông Trần Tấn V-sinh năm 1958 (chết năm 2012, không có vợ con).

Đối với trường hợp bà Trần Thị A1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2018 (BL. 109), bà A1 đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử và phân chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật; Đồng thời cùng ngày bà A1 có Đơn xin xét xử vắng mặt trong vụ án (BL. 108).

Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà Trần Thị A1 tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có cơ sở.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế:

Cụ Trần T5 chết tháng 12/1983, cụ Diệp Thị Liên chết tháng 2/1983, tính đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn khởi kiện của ông Trần Q (ngày 02/3/2017) là trên 30 năm. Tuy nhiên căn cứ vào Điều 36 Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế thì: “Đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10/9/1990, thì thời hiệu thừa kế tính từ ngày 10/9/1990”. Đồng thời tại Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11, ngày 27/7/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia, thì thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/9/2006 không tính vào thời hiệu khởi đối với trường hợp thừa kế có người định cư ở nước ngoài tham gia”. Như vậy, vào ngày 02/3/2017 ông Trần Q khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó kháng cáo của bà Trần Kim L1 cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện là không có cơ sở.

[1.3] Về một số nội dung khác; xét thấy: Ông Trần X, sinh năm 1946 và ông Trần Tấn V, sinh năm 1958 (con của cụ Trần T5 và cụ Diệp Thị Liên) là thuộc hàng thừa kế thứ nhất, trước khi chết hai ông cư trú ở đâu, có vợ con không Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ. Mặt khác, án sơ thẩm sử dụng Biên bản ghi lời khai của bà Trương C1 do Tòa án nhân dân thành phố B lập ngày 27/11/1992, làm chứng cứ quan trọng trong việc đánh giá vụ án, nhưng chứng cứ này do ông Trần Q là nguyên đơn trong vụ kiện cung cấp, không có xác nhận ký sao của Tòa án nhân dân thành phố B, nên không khách quan. Ngoài ra Tòa án sơ thẩm cũng không tiến hành xác minh về kết quả giải quyết vụ án vào năm 1992 của Tòa án nhân dân thành phố B, để làm căn cứ xem xét đánh giá trong vụ án này là chưa chính xác.

Đây là những tình tiết quan trọng để đánh giá chính xác nội dung vụ án, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không thể làm rõ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Q, bà Trần Kim L1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Trần Q; trú tại: Số 26 Đường T, tổ 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

* **Bị đơn:** Bà Trần Kim L1; trú tại: Số 08 Đường H1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Trần Thanh P; trú tại: 1551 Sheeforde, Viena VA22182, United States of America;

- Bà Trần Thanh Tr; trú tại: Số 46/3 Đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Trần M (vợ ông Trần Trấn Th đã chết); trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Trần Thị A; trú tại: Số 05/7A đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Trần Thị M2; trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Trần Thị M; trú tại: Số 17/3 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Trần Văn H1; trú tại: Số 17/3 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Trần Văn L; trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Trần Thị M2; trú tại: Số 17/12 đường M1, Phường Y1, Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Trần Thị A1; địa chỉ: Fjellygata 35; forsgreenn 3936, Norway;

- Ông Lưu Tuấn G (con bà L1); trú tại: Hẻm 35B Đường L1, phường T4, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Lưu Tuấn K (con bà L1); trú tại: Số 08 Đường H1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Lưu Đăng P1 (chồng bà L1); trú tại: Số 08 Đường H1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Q và bà Trần Kim L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Q 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007442 ngày 19/12/2019 (do Nguyễn Thị Hoài N nộp thay) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;

Hoàn trả cho bà Trần Kim L1 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007434 ngày 16/12/2019 (do Đặng Hồng Ng nộp thay) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ);
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào